

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi bổ sung một số điều Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1948/QĐ-ĐHNH ngày 09/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-TTg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Trường Đại học Ngân hàng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành qui về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trường Khoa Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số điều Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1948/QĐ-ĐHNH ngày 09/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 6. Điều kiện dự tuyển

“1. Điều kiện chung với người dự tuyển:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành đúng, phù hợp (đạt loại giỏi trở lên) hoặc có bằng thạc sĩ với các chuyên ngành được qui định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Người dự tuyển có bằng đại học chuyên ngành đúng, phù hợp hoặc có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần, hoặc có bằng thạc sĩ đúng, phù hợp chuyên ngành nhưng theo định hướng ứng dụng phải học bổ sung kiến thức Cao học để đáp ứng yêu cầu năng lực và chuyên môn ngành dự tuyển. Các môn học bổ sung kiến thức Cao học được qui định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quy chế này;



c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc là tác giả chính của 01 bài báo, báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu, đã được đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên;

d) Có bài luận dự định nghiên cứu theo mẫu qui định tại Phụ lục 08 ban hành kèm theo Quy chế này và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa được lập theo mẫu qui định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quy chế này.”

2. Sửa đổi Phụ lục 02. Danh mục ngành tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ

3. Sửa đổi Phụ lục 03. Danh mục bổ sung kiến thức cao học cho thí sinh dự tuyển trình độ Tiến sĩ

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Khoa Sau đại học, Trưởng các khoa, bộ môn, phòng, ban, giảng viên, nghiên cứu sinh và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: Khoa SDH, VP.

(C) **HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

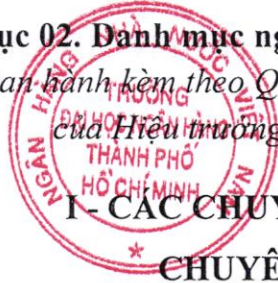


Nguyễn Đức Trung



Phụ lục 02. Danh mục ngành tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 386 /QĐ-ĐHNH ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)



I- CÁC CHUYÊN NGÀNH XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

*** CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

Thí sinh tốt nghiệp Thạc sĩ các ngành sau đây được dự thi đầu vào chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng:

1. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành đúng, phù hợp khi ngành đào tạo là:

a) Ngành thuộc danh mục Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm trong danh mục Thống kê các ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ theo Quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm: Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm;

b) Ngành đào tạo thạc sĩ không có tên ở mục a nêu trên, nhưng chương trình đào tạo khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Tài chính - Ngân hàng.

2. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành gần là:

a) Ngành đào tạo thạc sĩ cùng khối Kinh doanh và quản lý trong danh mục Thống kê các ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ theo Quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ trường hợp đã được qui định là ngành phù hợp tại mục 1 nêu trên) gồm: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Kế toán, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;

b) Ngành không được liệt kê ở trên nhưng được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng khi chương trình đào tạo của chuyên ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Tài chính - Ngân hàng.

3. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành khác với ngành dự thi đào tạo trình độ Tiến sĩ Tài chính- Ngân hàng khi ngành đào tạo không thuộc nhóm ngành trên, nhưng có hướng nghiên cứu về Tài chính - Ngân hàng.

II - CÁC CHUYÊN NGÀNH XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Thí sinh tốt nghiệp Thạc sĩ các ngành sau đây được dự thi đầu vào chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh:

1. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành đúng, phù hợp khi ngành đào tạo là:

a) Chuyên ngành thuộc nhóm ngành kinh doanh trong khối ngành Kinh doanh và quản lý thuộc danh mục Thống kê các ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ theo Quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm: Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại;

b) Một số chuyên ngành khác như: Quản trị nhân lực, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh tế và kinh doanh quốc tế, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Thương mại điện tử, Kinh doanh thời trang và dệt may;

c) Ngành Tốt nghiệp Thạc sĩ không có tên ở trên nhưng chỉ khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Quản trị kinh doanh.

2. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành gần là:

a) Ngành đào tạo thạc sĩ cùng khối ngành Kinh doanh và quản lý trong danh mục Thống kê các ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ theo Quy định tại Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (trừ trường hợp đã được qui định là ngành phù hợp tại mục 1 nêu trên) gồm: Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;

b) Ngành đào tạo thạc sĩ là các ngành thuộc lĩnh vực Kinh tế, Quản trị và Quản lý: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế;

c) Ngành tốt nghiệp thạc sĩ không được liệt kê ở trên được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành Quản trị kinh doanh khi chương trình đào tạo của chuyên ngành này khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Quản trị kinh doanh.

3. Ngành tốt nghiệp Thạc sĩ là ngành khác với chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ Tiến sĩ Quản trị kinh doanh khi ngành đào tạo không thuộc nhóm ngành trên, nhưng có hướng nghiên cứu về quản trị kinh doanh.

Phụ lục 03. Danh mục bổ sung kiến thức cao học cho thí sinh dự tuyển trình độ Tiến sĩ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 386 /QĐ-ĐHNH ngày 28 tháng 02 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

**I - BỔ SUNG KIẾN THỨC CAO HỌC CHO NGHIÊN CỨU SINH
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

1. Đối với Nghiên cứu sinh chưa có bằng Thạc sĩ (có bằng Đại học chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng) hoặc có bằng Thạc sĩ nhưng chuyên ngành khác với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, học 12 môn, tổng số 46 tín chỉ, bao gồm:

a. Các học phần bắt buộc: 26 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
1	PHI501	Triết học (Philosophy)	4	Tiếng việt
2	RME503	Phương pháp nghiên cứu nâng cao (Advanced Research methods)	4	Tiếng việt
3	BAF503	Các chủ đề đương đại về tài chính – ngân hàng (Emerging Topics in Banking and Finance)	4	Tiếng việt
4	LAW503	Luật kinh tế - tài chính – ngân hàng (Economic – Financial and Banking Law)	4	Tiếng việt
5	FIN517	Thẩm định dự án nâng cao (Advanced Project Appraisal)	4	Tiếng việt
6	FIN518	Đầu tư tài chính và quản trị danh mục đầu tư (Financial Investment and Portfolio Management)	3	Tiếng việt
7	BAF505	Quản trị ngân hàng hiện đại nâng cao (Advanced Modern Banking Management)	3	Tiếng việt
Tổng số tín chỉ			26	

b. Các học phần tự chọn: 20 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
I. Các học phần tự chọn 1: 8 tín chỉ (chọn 2 trong 6 học phần)			8	
1	FIN514	Tài chính quốc tế nâng cao (Advanced International Finance)	4	Tiếng việt
2	BAF504	Các quy định và giám sát hoạt động ngân hàng (Bank Regulation and Supervision)	4	Tiếng việt
3	FIN515	Tài chính doanh nghiệp nâng cao (Advanced Corporate Finance)	4	Tiếng việt

4	ECO506	Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế (Data Analysis and Economic Forecasting)	4	Tiếng việt
5	DSB527	Khoa học dữ liệu trong tài chính ngân hàng (Data Science in Banking and Finance)	4	Tiếng việt
6	FAB528	Fintech và trí tuệ nhân tạo trong tài chính ngân hàng (Fintech and Ai in Finance and Banking)	4	Tiếng việt
II. Các học phần tự chọn 2: 12 tín chỉ (Chọn 3 trong 7 học phần)			12	
1	MGT518	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý nâng cao (Advanced Leadership and Management)	4	Tiếng việt
2	FIN516	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính (Financial Derivatives and Risk Management)	4	Tiếng việt
3	FIN520	Tài chính hành vi (Behavioral Finance)	4	Tiếng việt
4	AUD501	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ (Internal Auditing and Control)	4	Tiếng việt
5	BFB529	Blockchain và ứng dụng trong tài chính ngân hàng (Blockchain and its application in Finance & Banking)	4	Tiếng việt
6	BBA530	Bigdata và phân tích dữ liệu mạng khách hàng (Bigdata and Analytics)	4	Tiếng việt
7	MAB531	Ứng dụng Machine learning trong tài chính ngân hàng (Machine learning Application in Finance and Banking)	4	Tiếng việt
Tổng số tín chỉ (I+II)			20	

2. Đối với Nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ nhưng chuyên ngành gần với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, hoặc có bằng Thạc sĩ chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng nhưng theo hướng ứng dụng, học 04 môn, tổng số 15 tín chỉ, bao gồm:

a. Các học phần bắt buộc: 7 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
1	BAF505	Quản trị ngân hàng hiện đại nâng cao (Advanced Modern Banking Management)	3	Tiếng việt
2	BAF503	Các chủ đề đương đại về tài chính – ngân hàng (Emerging Topics in Banking and Finance)	4	Tiếng việt
Tổng số tín chỉ			7	

b. Các học phần tự chọn: 8 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
I. Các học phần tự chọn 1: 4 tín chỉ (chọn 1 trong 6 học phần)			4	
1	FIN514	Tài chính quốc tế nâng cao (Advanced International Finance)	4	Tiếng việt
2	BAF504	Các quy định và giám sát hoạt động ngân hàng (Bank Regulation and Supervision)	4	Tiếng việt
3	FIN515	Tài chính doanh nghiệp nâng cao (Advanced Corporate Finance)	4	Tiếng việt
4	ECO506	Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế (Data Analysis and Economic Forecasting)	4	Tiếng việt
5	DSB527	Khoa học dữ liệu trong tài chính ngân hàng (Data Science in Banking and Finance)	4	Tiếng việt
6	FAB528	Fintech và trí tuệ nhân tạo trong tài chính ngân hàng (Fintech and Ai in Finance and Banking)	4	Tiếng việt
II. Các học phần tự chọn 2: 4 tín chỉ (Chọn 1 trong 7 học phần)			4	
1	MGT518	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý nâng cao (Advanced Leadership and Management)	4	Tiếng việt
2	FIN516	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro tài chính (Financial Derivatives and Risk Management)	4	Tiếng việt
3	FIN520	Tài chính hành vi (Behavioral Finance)	4	Tiếng việt
4	AUD501	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ (Internal Auditing and Control)	4	Tiếng việt
5	BFB529	Blockchain và ứng dụng trong tài chính ngân hàng (Blockchain and its application in Finance & Banking)	4	Tiếng việt
6	BBA530	Bigdata và phân tích dữ liệu mạng khách hàng (Bigdata and Analytics)	4	Tiếng việt
7	MAB531	Ứng dụng Machine learning trong tài chính ngân hàng (Machine learning Application in Finance and Banking)	4	Tiếng việt
Tổng số tín chỉ (I+II)			8	

HÀ
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CÔNG NGHIỆP
HÀ NỘI
CHÍNH

**II - BỔ SUNG KIẾN THỨC CAO HỌC NGHIÊN CỨU SINH
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

1. Đối với Nghiên cứu sinh chưa có bằng Thạc sĩ (có bằng Đại học chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành Quản trị Kinh doanh) hoặc có bằng Thạc sĩ nhưng chuyên ngành khác với chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, học 12 môn, tổng số 46 tín chỉ, bao gồm:

a. Các học phần bắt buộc: 36 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
1	PHI501	Triết học (Philosophy)	4	Tiếng việt
2	QRB534	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh (Quantitative research in business)	4	Tiếng việt
3	MGT535	Quản trị hiện đại và đổi mới sáng tạo (Modern management and Innovation)	4	Tiếng việt
4	LAW536	Luật kinh doanh (Business law)	4	Tiếng việt
5	FIN540	Tài chính cho nhà quản trị (Finance for Managers)	4	Tiếng việt
6	MGT541	Quản trị chiến lược nâng cao (Strategic management - Advanced)	4	Tiếng việt
7	MGT542	Quản trị marketing và thương hiệu (Marketing and Brand management)	4	Tiếng việt
8	MGT543	Lãnh đạo trong kỷ nguyên số (Leadership in digital age)	4	Tiếng việt
9	MGT544	Quản trị nguồn nhân lực chiến lược (Strategic human resource management)	4	Tiếng việt
Tổng số tín chỉ			36	

b. Các học phần tự chọn: 10 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
I. Phần kiến thức tự chọn 1: 3 tín chỉ (chọn 1 trong 3 học phần)			3	
1	MGT537	Quản trị dự án nâng cao (Project management - Advanced)	3	Tiếng việt
2	ODC538	Phát triển tổ chức (Organization Development)	3	Tiếng việt
3	IMC539	Truyền thông marketing tích hợp số (Integrated digital marketing communication)	3	Tiếng việt
II. Phần kiến thức tự chọn 2: 7 tín chỉ (chọn 2 trong 5 học phần)			7	
1	BUS545	Thương mại điện tử và kinh doanh số (E-Commerce and E-Business Management)	3	Tiếng việt

2	MGT546	Quản trị vận hành nâng cao (Operation management - Advanced)	3	Tiếng việt
3	BAB547	Ứng dụng Blockchain trong quản trị kinh doanh (Blockchains applications in business)	4	Tiếng việt
4	MGT548	Quản trị và khai thác dữ liệu lớn (Big data management and mining)	4	Tiếng việt
5	ABF549	Phân tích dữ liệu trong tài chính và kinh doanh (Data Analysis for Business and Finance)	4	Tiếng việt
Tổng số tín chỉ (I+II)			10	

2. Đối với Nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ nhưng chuyên ngành gần với chuyên ngành Quản trị kinh doanh, hoặc có bằng Thạc sĩ chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp Quản trị kinh doanh nhưng theo hướng ứng dụng, học 04 môn, tổng số 15 tín chỉ, bao gồm:

a. Các học phần bắt buộc: 8 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
1	FIN540	Tài chính cho nhà quản trị (Finance for Managers)	4	Tiếng việt
2	MGT544	Quản trị nguồn nhân lực chiến lược (Strategic human resource management)	4	Tiếng việt
Tổng số tín chỉ			8	

b. Các học phần tự chọn: 7 tín chỉ

Stt	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ Giảng dạy
I. Phần kiến thức tự chọn 1: 3 tín chỉ (chọn 1 trong 3 học phần)			3	
1	MGT537	Quản trị dự án nâng cao (Project management - Advanced)	3	Tiếng việt
2	ODC538	Phát triển tổ chức (Organization Development)	3	Tiếng việt
3	IMC539	Truyền thông marketing tích hợp số (Integrated digital marketing communication)	3	Tiếng việt
II. Phần kiến thức tự chọn 2 : 4 tín chỉ (chọn 1 trong 3 học phần)			4	
1	BAB547	Ứng dụng Blockchain trong quản trị kinh doanh (Blockchains applications in business)	4	Tiếng việt
2	MGT548	Quản trị và khai thác dữ liệu lớn (Big data management and mining)	4	Tiếng việt
3	ABF549	Phân tích dữ liệu trong tài chính và kinh doanh (Data Analysis for Business and Finance)	4	Tiếng việt
Tổng số tín chỉ (I+II)			7	